JDI
JOURNAL OF DEVELOPMENT AND INTEGRATION

TẠP CHÍ PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP
Số 90 (2026) 66-74 | jdi.uef.edu.vn



Nhận thức và cam kết tham gia du lịch xanh của cộng đồng địa phương tại Thủy Biều, Huế

Hoàng Thị Mộng Liên, Đặng Thị Thúy Hiền*
Trường Du lịch - Đại học Huế, Việt Nam

TỪ KHÓA

Cam kết tham gia;
cộng đồng địa phương;
du lịch xanh;
lợi ích du lịch;
nhận thức.

TÓM TẮT

Du lịch xanh được xem là một hướng tiếp cận quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển du lịch bền vững và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương. Nghiên cứu này phân tích tác động của nhận thức đến cam kết tham gia của người dân trong các hoạt động du lịch xanh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với 110 bảng khảo sát thu thập từ người dân tại Thủy Biều, Huế. Dữ liệu được phân tích bằng mô hình phương trình cấu trúc (PLS-SEM) để kiểm định các giả thuyết. Kết quả cho thấy lợi ích môi trường và kinh tế có tác động tích cực đến nhận thức của cộng đồng về du lịch xanh, trong khi lợi ích văn hóa không có ảnh hưởng đáng kể. Đồng thời, nhận thức của người dân có tác động mạnh đến cam kết tham gia du lịch xanh. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch xanh.

1. Đặt vấn đề

Du lịch xanh (DLX) là một loại hình du lịch nhằm mục đích giảm thiểu tác động tiêu cực của du lịch đến môi trường, đồng thời tạo ra lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương và thúc đẩy bảo tồn văn hóa. Các hoạt động DLX liên quan đến việc có trách nhiệm với môi trường, nhạy cảm về mặt văn hóa và xã hội, và khả thi về mặt kinh tế (Kiper, 2013).

Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều sự công nhận về tầm quan trọng của cộng đồng địa phương trong việc thúc đẩy DLX. Cộng đồng địa phương là những người đóng vai trò chủ chốt trong việc phát triển và thúc đẩy các mô hình du lịch bền vững có lợi cho cả khách du lịch và nền kinh tế địa phương. Để tích cực tham gia vào DLX, cộng đồng địa phương cần có nhận thức tích cực về các hoạt động du lịch bền vững (Thang & Thanh, 2023). Mức độ tham gia của cộng đồng địa phương vào mô hình DLX phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm nhận thức của họ về các hoạt động du lịch bền vững, các lợi ích kinh tế và xã hội tiềm năng (Anh & cộng sự, 2024).

Tuy nhiên, mặc dù DLX đã nhận được nhiều sự quan tâm trong các nghiên cứu gần đây, vai trò của nhận thức cộng đồng địa phương đối với cam kết tham gia vào các hoạt động DLX vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, đặc biệt tại các điểm đến đang trong giai đoạn triển khai mô hình DLX. Các nghiên cứu trước đây cho thấy nhận thức của cư dân về các tác động của du lịch có ảnh hưởng đáng kể đến thái độ và mức độ ủng hộ của họ đối với phát triển du lịch (Sharpley, 2014). Tuy nhiên, mối quan hệ giữa nhận thức về lợi ích của DLX và cam kết tham gia của cộng đồng địa phương vẫn cần được nghiên cứu sâu hơn trong bối cảnh các điểm đến cụ thể.

*Tác giả liên hệ. Email: *dtthien@hueuni.edu.vn*
https://doi.org/10.61602/jdi.2026.90.08
Ngày nộp bài: 17/3/2026; Ngày chỉnh sửa: 21/4/2026; Ngày duyệt đăng: 14/5/2026; Ngày online: 26/9/2026
ISSN (print): 1859-428X, ISSN (online): 2815-6234

Những năm gần đây, thành phố Huế đẩy mạnh phát triển DLX nhằm mục tiêu tăng trưởng bền vững và bảo tồn môi trường. Trong đó, làng Thủy Biều là đơn vị điển hình triển khai mô hình điểm đến giảm nhựa với sự tham gia tích cực từ các cơ sở du lịch cộng đồng. Các giải pháp như thiết lập điểm tiếp nước miễn phí, trang bị túi đi chợ tái sử dụng và thay thế chai nhựa tại cơ sở lưu trú đã được thực hiện quyết liệt. Đồng thời, địa phương cũng tăng cường hạ tầng thu gom nhằm tối ưu hóa công tác quản lý rác thải tại điểm đến.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu nhận thức của cộng đồng địa phương về các lợi ích của DLX và mức độ cam kết tham gia của họ có ý nghĩa quan trọng đối với việc duy trì và phát triển mô hình này. Do đó, nghiên cứu này tập trung phân tích tác động của nhận thức đến cam kết tham gia của cộng đồng địa phương trong các hoạt động DLX, qua đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong phát triển DLX tại địa phương.

2. Mô hình nghiên cứu - Phương pháp nghiên cứu

2.1. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Lợi ích mà du lịch mang lại là yếu tố nền tảng ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi tham gia của cộng đồng địa phương vào DLX và các hoạt động du lịch hướng tới sự bền vững (Anh & cộng sự, 2024; Gannon & cộng sự, 2021). Khi cộng đồng địa phương nhận thức rõ ràng rằng du lịch mang lại lợi ích cụ thể như là đem lại thu nhập và việc làm, bảo tồn cảnh quan và môi trường sống, cũng như bảo vệ và trao truyền di sản văn hóa – xã hội, thì họ sẽ hình thành nhận thức tích cực và có thiện cảm hơn đối với sự phát triển du lịch tại nơi mình sinh sống (Andereck & Vogt, 2005). Trên cơ sở đó, có thể lập luận rằng nhận thức của cộng đồng địa phương về DLX không hình thành một cách độc lập mà chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nhận thức của các lợi ích mà du lịch mang lại.

Du lịch xanh được xem là công cụ hiệu quả trong việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đồng thời thúc đẩy các nỗ lực bảo vệ môi trường tại địa phương (Amerta & cộng sự, 2018). Thông qua việc khuyến khích các hoạt động du lịch bền vững, du lịch gắn với bảo vệ thiên nhiên và động vật hoang dã đã giúp giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường và cộng đồng (Isaacs, 2000). Các hoạt động của DLX như đi bộ đường dài, đạp xe hay chèo thuyền, vốn có mức độ can thiệp thấp đến môi trường, không chỉ góp phần bảo vệ rừng, sông ngòi và hệ sinh thái tự nhiên, mà còn mang đến những trải nghiệm chân thực và bền vững cho du khách (Eagles & cộng sự, 2022). Bằng cách nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn môi trường và phát triển bền vững, DLX có thể hỗ trợ các nỗ lực bảo tồn tài nguyên thiên nhiên của địa phương (Edgell Sr, 2019). Khi cộng đồng địa phương nhận thức được rằng các hoạt động DLX góp phần duy trì và nâng cao chất lượng môi trường sống tại nơi họ sinh sống, họ có xu hướng hình thành nhận thức tích cực hơn với việc phát triển loại hình du lịch này (Uslu & cộng sự, 2023).

H1: Lợi ích môi trường của du lịch xanh mang lại có tác động tích cực đến nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh

Du lịch xanh góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương thông qua việc tạo ra cơ hội việc làm, hỗ trợ các doanh nghiệp bản địa và khuyến khích tiêu dùng sản phẩm địa phương (Amerta & cộng sự, 2018). Bằng cách tạo ra việc làm có trách nhiệm với môi trường và xã hội, DLX có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đóng góp vào nền kinh tế địa phương (Anh & cộng sự, 2024). Bằng cách kết hợp các hoạt động du lịch bền vững vào mô hình kinh doanh, cộng đồng địa phương có thể thu hút những du khách đang tìm kiếm trải nghiệm du lịch đích thực và có trách nhiệm. Khi người dân địa phương nhận thấy rằng các hoạt động từ DLX mang lại thu nhập ổn định, việc làm và góp phần phát triển sinh kế, họ có xu hướng hình thành nhận thức tích cực hơn đối với loại hình du lịch này (Angessa & cộng sự, 2022).

H2: Lợi ích kinh tế của du lịch xanh mang lại có tác động tích cực đến nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh

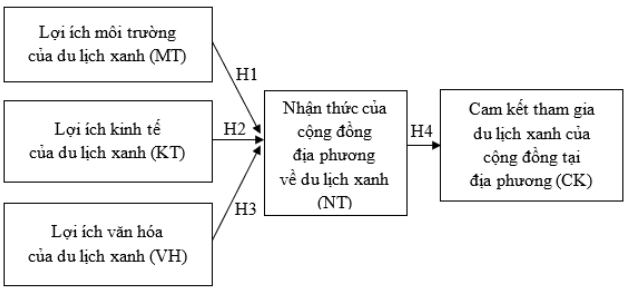
Du lịch xanh không chỉ giúp bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của địa phương mà còn tạo cơ hội cho người dân chia sẻ phong tục, truyền thống và lối sống với du khách thông qua các hoạt động du lịch cộng đồng hoặc trải nghiệm văn hóa (Anh & cộng sự, 2024; Amerta & cộng sự, 2018). Bên cạnh đó, việc các giá trị văn hóa được tôn trọng, gìn giữ và quảng bá đúng cách góp phần củng cố niềm tự hào văn hóa địa phương, từ đó nâng cao thiện cảm và sự ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch (Kiper, 2013; Edgell Sr, 2019). Khi các hoạt động du lịch tạo điều kiện cho việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa bản địa, cộng đồng địa phương có xu hướng hình thành nhận thức tích cực hơn (Yeniasır & Gökbulut, 2018; Zhu & cộng sự, 2017).

H3: Lợi ích văn hóa của du lịch xanh mang lại có tác động tích cực đến nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh

Mối quan hệ giữa nhận thức và cam kết tham gia vào mô hình DLX của cộng đồng địa phương là một quá trình phức tạp (Anh & cộng sự, 2024). Khi mức độ nhận thức về lợi ích của các hoạt động của du lịch bền vững tăng lên, cộng đồng địa phương thường có xu hướng cam kết mạnh mẽ hơn trong việc tham gia các sáng kiến này. Chẳng hạn, nếu một cộng đồng hiểu rõ những lợi ích kinh tế, môi trường và văn hóa mà DLX mang lại, họ sẽ có khả năng cao hơn trong việc chủ động tham gia và duy trì các hoạt động du lịch hướng tới bền vững (Anh & cộng sự, 2024).

H4: Nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh có tác động tích cực đến cam kết tham gia du lịch xanh của cộng đồng tại địa phương.

Từ đó, nghiên cứu đề xuất mô hình cụ thể như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát trực tiếp bằng bảng hỏi dành cho người dân địa phương tại Thủy Biều, thành phố Huế trong 02 tháng (12/2025-01/2026). Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng tiếp cận đối tượng khảo sát tại địa phương. Bảng hỏi gồm hai phần chính. Phần thứ nhất thu thập các thông tin nhân khẩu học của đáp viên, phần thứ hai bao gồm các câu hỏi nhằm đo lường các biến trong mô hình nghiên cứu nhằm phân tích tác động của nhận thức đến cam kết tham gia DLX của người dân địa phương. Các thang đo được kế thừa và điều chỉnh từ các nghiên cứu trước để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Tất cả các biến quan sát được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý).

Liên quan đến quy mô mẫu, Anneke Boomsma (1982) cho rằng kích thước mẫu tối thiểu khi áp dụng phân tích SEM nên đạt từ 100 đến 200 quan sát, hoặc

Bảng 1. Thang đo và biến quan sát trong nghiên cứu

STT	Mã hóa	Biến quan sát	Nguồn tham khảo
		Lợi ích môi trường của du lịch xanh	
1	MT1	Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học	Andereck và Vogt, 2005; Angessa và cộng sự, 2022; Gannon và cộng sự, 2021; Uslu và cộng sự, 2023; Zhu và cộng sự, 2017
2	MT2	Giảm lượng khí thải carbon và ô nhiễm không khí	
3	MT3	Giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường từ các hoạt động du lịch	
4	MT4	Thúc đẩy các hoạt động thân thiện với môi trường và các nỗ lực bảo tồn tài nguyên thiên nhiên	
5	MT5	Nâng cao chất lượng môi trường	
		Lợi ích kinh tế của du lịch xanh	
6	KT1	Tạo ra cơ hội việc làm cho cộng đồng địa phương	Andereck và Vogt, 2005; Gannon và cộng sự, 2021; Kim và cộng sự, 2013; Uslu và cộng sự, 2023; Zhu và cộng sự, 2017
7	KT2	Tăng thu nhập cho các hộ gia đình trong cộng đồng	
8	KT3	Cải thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ địa phương	
9	KT4	Đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của cộng đồng	
		Lợi ích văn hóa của du lịch xanh	
10	VH1	Bảo tồn và phát huy các truyền thống và di sản văn hóa địa phương	Andereck và Vogt, 2005; Gannon và cộng sự, 2021; Kim và cộng sự, 2013; Uslu và cộng sự, 2023; Yeniasır và Gökbulut, 2018
11	VH2	Củng cố bản sắc và niềm tự hào cộng đồng	
12	VH3	Thúc đẩy giao lưu và tương tác xã hội (người dân – người dân, người dân – khách du lịch…), tăng cường sự gắn kết xã hội	
13	VH4	Nâng cao nhận thức của người dân về môi trường và lối sống lành mạnh	
		Nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh	
14	NT1	Tôi có thể hiểu được khái niệm và các nguyên tắc DLX	Anh và cộng sự, 2024; Gannon và cộng sự, 2021; Thang và Thanh, 2023
15	NT2	Tôi nắm được được những lợi ích của DLX mang lại cho cộng đồng của mình	
16	NT3	Tôi nhận thức được tầm quan trọng của DLX	
17	NT4	Tôi cho rằng phát triển DLX là cần thiết tại địa phương	
		Cam kết tham gia du lịch xanh của cộng đồng tại địa phương	
18	CK1	Tôi sẵn sàng tham gia vào các hoạt động DLX tại cộng đồng của mình	Anh và cộng sự, 2024; Gannon và cộng sự, 2021; Thang và Thanh, 2023; Uslu và cộng sự, 2023; Yeniasır và Gökbulut, 2018; Zhu và cộng sự, 2017
19	CK2	Tôi sẵn sàng ủng hộ các hoạt động và sáng kiến DLX trong cộng đồng của mình	
20	CK3	Tôi sẵn sàng áp dụng các thực hành DLX trong công việc kinh doanh hoặc cuộc sống cá nhân của mình	
21	CK4	Tôi sẵn sàng giới thiệu DLX cho người thân/bạn bè của mình	

tối thiểu 5–10 quan sát cho mỗi tham số ước lượng. Dựa trên khuyến nghị này, với 21 biến quan sát được sử dụng trong nghiên cứu, kích thước mẫu tối thiểu cần đạt là 105 quan sát. Sau quá trình khảo sát, nghiên cứu thu được 110 bảng hỏi hợp lệ, đáp ứng yêu cầu về quy mô mẫu và được sử dụng cho quá trình phân tích dữ liệu. Mẫu khảo sát bao gồm nhiều nhóm đối tượng khác nhau trong cộng đồng địa phương, góp phần đảm bảo tính đa dạng của dữ liệu và phản ánh tương đối đầy đủ quan điểm của người dân trong khu vực nghiên cứu.

2.2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Dữ liệu nghiên cứu được phân tích bằng mô hình phương trình cấu trúc dựa trên phương pháp Partial Least Squares (PLS-SEM) với sự hỗ trợ của phần mềm SmartPLS phiên bản 3.3.3. Phương pháp PLS-SEM được lựa chọn do phù hợp với các nghiên cứu mang tính khám phá và cỡ mẫu không quá lớn. Quá trình phân tích được thực hiện qua hai bước chính. Thứ nhất, đánh giá mô hình đo lường (measurement model) nhằm kiểm định độ tin cậy và giá trị của các thang đo thông qua các chỉ số như độ tin cậy tổng hợp, giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Thứ hai, đánh giá mô hình cấu trúc (structural model) nhằm kiểm định các giả thuyết nghiên cứu và xác định mức độ tác động giữa các biến trong mô hình. Các chỉ số như hệ số đường dẫn, giá trị T và giá trị P được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng cũng như ý nghĩa thống kê của các mối quan hệ trong mô hình nghiên cứu.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thông tin mẫu điều tra

Kết quả thống kê mô tả cho thấy mẫu nghiên cứu có sự phân bố khá đa dạng về các đặc điểm nhân khẩu học, góp phần đảm bảo tính đại diện cho dữ liệu nghiên cứu. Trong tổng số 110 người tham gia khảo sát, nữ chiếm tỷ lệ cao hơn (58,2%) so với nam (41,8%). Về độ tuổi, nhóm 45–54 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (28,2%), trong khi nhóm dưới 18 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất (9,1%). Xét về trình độ học vấn, nhóm có trình độ trung cấp/cao đẳng chiếm tỷ lệ cao nhất (40,9%), trong khi nhóm đại học hoặc sau đại học chiếm tỷ lệ thấp hơn (26,4%). Về nghề nghiệp, nhóm liên quan đến du lịch chiếm tỷ lệ cao nhất (53,6%), còn nhóm nghề nghiệp khác chiếm tỷ lệ thấp nhất (1,8%). Đối với thu nhập, nhóm có mức thu nhập 3–7 triệu đồng/tháng chiếm tỷ lệ cao nhất (53,6%), trong khi nhóm dưới 3 triệu đồng/tháng chiếm tỷ lệ thấp nhất (12,7%). Những kết quả này cho thấy mẫu khảo sát chủ yếu tập trung vào nhóm dân cư trong độ tuổi lao động và có sự liên quan nhất định đến hoạt động du lịch tại địa phương.

3.2. Kết quả mô hình đo lường

Đối với việc đánh giá hệ số tải (loadings) của biến tiềm ẩn, nếu hệ số tải ngoài đối với biến nghiên cứu càng cao, có nghĩa là biến quan sát sẽ cùng đo lường một khái niệm, được gọi chung là độ tin cậy biến quan sát. Tối thiểu, hệ số tải ngoài của các biến số phải từ 0,708 trở lên. Kết quả phân tích cho thấy phần lớn các biến quan sát có hệ số tải ngoài (Outer Loadings) lớn hơn 0,708 trừ biến MT5 (Nâng cao chất lượng môi trường). Tiến hành loại bỏ biến MT5 và tiến hành phân tích lần 2 thì tất cả các biến quan sát đều thỏa mãn điều kiện lớn hơn 0,708 (Bảng 3).

Độ tin cậy tổng hợp (Composite Reliability - CR) là hệ số dùng để đo lường cho tính nhất quán nội bộ của các chỉ báo trong một thang đo và được dùng thay thế cho hệ số Alpha. Trong nghiên cứu này, mô hình đo lường đạt được tính nhất quán nội bộ do CR > 0,7.

Tính hiệu lực về sự hội tụ (Convergent Validity)

Bảng 2. Thông tin về đối tượng điều tra

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nam	46	41,8	Dưới 18 tuổi	10	9,1
Nữ	64	58,2	18 – 24 tuổi	11	10,0
Trình độ học vấn	Số lượng	Tỷ lệ %	25 – 34 tuổi	26	23,6
THPT hoặc thấp hơn	35	32,7	35 - 44 tuổi	11	10,0
Trung cấp/cao đẳng	45	40,9	45 - 54 tuổi	31	28,2
Đại học/Sau đại học	29	26,4	Trên 55 tuổi	21	19,1
			Nghề nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ %
Thu nhập	Số lượng	Tỷ lệ %	Liên quan đến du lịch	59	53,6
Dưới 3 triệu đồng	14	12,7	Không liên quan đến du lịch	35	31,8
3-7 triệu đồng	59	53,6	Học sinh, sinh viên	8	7,3
Hơn 7 triệu đồng	37	33,6	Nghỉ hưu	6	5,5
			Khác	2	1,8

có thể đo lường thông qua giá trị phương sai trích trung bình (Average Variance Extracted – AVE). Chỉ số này đo lường phương sai trung bình được chia sẻ giữa cấu trúc và các biến riêng lẻ của nó. Tiêu chí cho AVE là giá trị phải là 0,5 (50%) trở lên. Mức 0,5 (50%) này mang ý nghĩa biến tiềm ẩn mẹ trung bình sẽ giải thích được tối thiểu 50% biến thiên của từng biến quan sát con. Trong nghiên cứu này, đánh giá phương sai trích trung bình (AVE) của các biến tiềm ẩn đều vượt ngưỡng 0,5. Do đó các biến tiềm ẩn đều được giữ lại để tiến hành các phân tích tiếp theo.

Bảng 3. Kết quả mô hình đo lường các khái niệm

Khái niệm	Biến	Hệ số tải ngoài (Outer Loadings)	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Phương sai trích trung bình (AVE)
Lợi ích môi trường của du lịch xanh (MT)	MT1	0,779	0,878	0,644
	MT2	0,785		
	MT3	0,779		
	MT4	0,864		
Lợi ích kinh tế của du lịch xanh (KT)	KT1	0,844	0,897	0,686
	KT2	0,856		
	KT3	0,794		
	KT4	0,818		
Lợi ích văn hóa của du lịch xanh (VH)	VH1	0,812	0,914	0,726
	VH2	0,886		
	VH3	0,870		
	VH4	0,839		
Nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh (NT)	NT1	0,776	0,865	0,617
	NT2	0,805		
	NT3	0,773		
	NT4	0,786		
Cam kết tham gia du lịch xanh của cộng đồng địa phương (CK)	CK1	0,804	0,895	0,680
	CK2	0,876		
	CK3	0,866		
	CK4	0,747		

Tiếp theo, sau khi đánh giá ma trận hệ số tải chéo cho thấy hệ số tải của các biến quan sát đều lớn hơn hệ số tải chéo còn lại. Tiến hành đánh giá chỉ số HTMT (Heterotrait-Monotrait Ratio of Correlations), kết quả được thể hiện ở Bảng 4 cho thấy chỉ số HTMT đều nhỏ hơn 0,90. Ngoài ra, kết quả kiểm định Bootstrap (Bảng 5) với 1.000 mẫu cho thấy khoảng tin cậy 95% của tất cả các giá trị HTMT đều không chứa giá trị 1 (chẳng hạn, khoảng tin cậy 95% của chỉ số HTMTNT – CK nằm trong khoảng [0,563; 0, 0,868] và nhỏ hơn 1). Các kết quả này chứng minh mô hình đo lường đạt giá trị phân biệt và đảm bảo ý nghĩa thống kê để thực hiện các bước phân tích tiếp theo.

Bảng 4. Ma trận Heterotrait - Monotrait

	CK	KT	MT	NT	VH
CK	-	-	-	-	-
KT	0,857	-	-	-	-
MT	0,837	0,826	-	-	-
NT	0,897	0,854	0,883	-	-
VH	0,753	0,684	0,711	0,647	-

Bảng 5. Kết quả kiểm định về chỉ số tương quan HTMT

	2,5%	97,5%
KT → NT	0,233	0,554
MT → NT	0,219	0,602
NT → CK	0,563	0,868
VH → NT	-0,089	0,255

3.3. Kết quả mô hình cấu trúc

Sau khi đánh giá mô hình đo lường, mối quan hệ giữa các biến tiềm ẩn sẽ được kiểm định. R^2 thể hiện sự thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập. Cùng với đó, giá trị R^2 hiệu chỉnh (Adjusted R Square) nhỏ hơn giá trị R^2 (R Square) dùng nó để đánh giá độ phù hợp của mô hình nhằm tránh hiện tượng thổi phồng mức độ giải thích. Kết quả cho thấy các biến độc lập giải thích được mức trung bình biến thiên của nhận thức và cam kết tham gia DLX (R^2 >0,5). Bên cạnh đó, hệ số $Q^2 > 0$ hàm ý mô hình cấu trúc thành phần đạt được năng lực về dự đoán (tính toán chỉ số Q^2 thông qua tiến trình "blindfolding"), cụ thể là $0,25 \leq Q^2 \leq 0,5$ cho thấy dự báo đạt độ chính xác trung bình (Bảng 6).

Bảng 6. Kết quả phân tích hệ số xác định R^2 và mức độ chính xác về dự báo Q^2

Cấu trúc	R^2	R^2 hiệu chỉnh	Q^2
MT	-	-	-
KT	-	-	-
VH	-	-	-
NT	0,581	0,577	0,348
CK	0,621	0,611	0,351

Hệ số f^2 (effect size) cho biết mức độ ảnh hưởng của biến độc lập lên biến phụ thuộc là mạnh hay yếu. Theo số liệu bảng 7 cho thấy, sự ảnh hưởng của các biến lợi ích trách nhiệm môi trường và kinh tế của du lịch xanh có tác động trung bình ($0,15 \leq f^2 < 0,35$), ảnh hưởng của nhận thức của cộng đồng địa phương về DLX đến cam kết tham gia DLX của cộng đồng tại địa phương ở mức

tác động lớn ($f^2 \geq 0,35$). Riêng đối với sự ảnh hưởng của lợi ích văn hóa đến nhận thức của cộng đồng địa phương về DLX, chỉ số f^2 có giá trị là 0,005, ở mức tác động nhỏ hoặc không có tác động ($f^2 < 0,02$).

Đối với mối tương quan đa biến, các giá trị VIF (Variance Inflation Factor) được sử dụng để xác định đa cộng tuyến. Nếu hiện tượng đa cộng tuyến không xảy ra, bước tiếp theo được thực hiện nhằm đánh giá ý nghĩa của hệ số đường dẫn. Quá trình này cho phép nhà nghiên cứu kiểm tra các mối quan hệ giả định giữa các cấu trúc. Trong nghiên cứu, giá trị VIF được tính toán cho tất cả các biến thuộc mô hình đều nhỏ hơn 3, cho thấy không xuất hiện hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình.

Bảng 7. Kết quả phân tích mức độ giải thích f^2 và giá trị VIF

Sự tác động	VIF	f^2
NT -> CK	1,000	1,388
MT -> NT	2,139	0,200
KT -> NT	2,082	0,216
VH -> NT	1,724	0,005

Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu và phân tích đường dẫn được trình bày ở Bảng 8 và Hình 2.

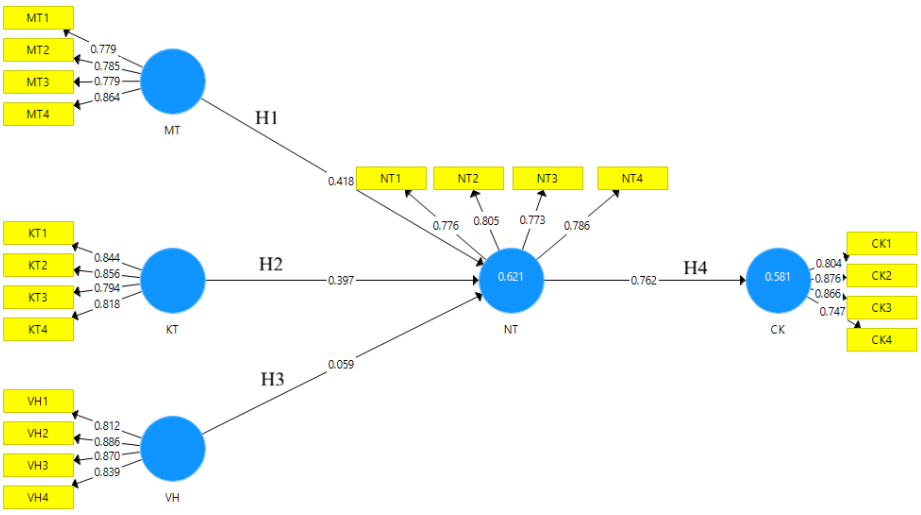
Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc cho thấy 3/4 giả thuyết nghiên cứu được chấp nhận, chứng tỏ phần lớn các mối quan hệ trong mô hình nghiên cứu có ý nghĩa thống kê.

Đối với giả thuyết H1, kết quả cho thấy lợi ích môi trường của DLX có tác động tích cực đến nhận thức của cộng đồng địa phương về DLX với hệ số đường dẫn $\beta = 0,418$, giá trị $T = 4,319$ và $P = 0,000$ (< 0,05). Hệ số tác động ở mức khá mạnh chứng tỏ các yếu tố như bảo vệ môi trường, giảm ô nhiễm và bảo tồn tài nguyên là động lực quan trọng hình thành nhận thức của người dân. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh tại Thủy Biều đang triển khai mô hình "du lịch giảm nhựa", với các hoạt động như sử dụng vật dụng tái chế và tăng cường phân loại rác. Những hoạt động này góp phần cải thiện môi trường sống, đồng thời giúp các lợi ích môi trường trở nên cụ thể và dễ nhận diện hơn đối với người dân, qua đó nâng cao nhận thức về DLX.

Đối với giả thuyết H2, kết quả cũng cho thấy lợi ích kinh tế của DLX có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến nhận thức của cộng đồng địa phương, với

Bảng 8. Kết quả của đánh giá mô hình cấu trúc

Giả thuyết	Đường dẫn giả thuyết	Hệ số đường dẫn	T - statistics	P value	Kết quả
H1	Lợi ích môi trường của du lịch xanh → Nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh	0,418	4,319	0,000	Chấp nhận
H2	Lợi ích kinh tế của du lịch xanh → Nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh	0,397	4,969	0,000	Chấp nhận
H3	Lợi ích văn hóa của du lịch xanh → Nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh	0,059	0,693	0,511	Bác bỏ
H4	Nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch xanh → Cam kết tham gia du lịch xanh của cộng đồng tại địa phương	0,762	9.693	0,000	Chấp nhận



Hình 2. Kết quả phân tích hệ số đường dẫn

β = 0,397, T = 4,969 và P = 0,000 (< 0,05). Mặc dù mức độ tác động thấp hơn so với lợi ích môi trường, yếu tố kinh tế vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhận thức của người dân. Tại Thủy Biều, các cơ hội sinh kế cụ thể như dịch vụ lưu trú, trải nghiệm làm vườn, nấu ăn và cung cấp sản phẩm địa phương đã góp phần tăng thu nhập và đa dạng hóa nguồn thu. Chính việc hiện thực hóa các lợi ích kinh tế này đã thúc đẩy nhận thức tích cực và củng cố cam kết tham gia vào DLX của cộng đồng địa phương.

Tác động tích cực của lợi ích kinh tế và môi trường đến nhận thức trong nghiên cứu này tương đồng với Lý thuyết trao đổi xã hội (Social Exchange Theory). Theo đó, cộng đồng địa phương có xu hướng hình thành nhận thức tích cực khi nhận thấy những lợi ích rõ ràng từ du lịch (Sharpley, 2014). Nhiều nghiên cứu thực nghiệm cũng khẳng định lợi ích kinh tế và môi trường là những yếu tố then chốt quyết định thái độ và sự ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch (Andereck & Vogt, 2005; Gannon & cộng sự, 2021; Kim & cộng sự, 2013). Tuy nhiên, điểm khác biệt đáng chú ý tại Thủy Biều là vai trò nổi bật của lợi ích môi trường so với lợi ích kinh tế. Trong khi nhiều nghiên cứu trước đây cho rằng lợi ích kinh tế thường là yếu tố chi phối chính nhận thức của cộng đồng (Andereck & Vogt, 2005; Uslu & cộng sự, 2023), kết quả nghiên cứu này cho thấy yếu tố môi trường có mức độ tác động tương đương, thậm chí nhỉnh hơn. Sự dịch chuyển này phản ánh nhận thức của cộng đồng đã thay đổi khi các vấn đề môi trường gắn liền trực tiếp với đời sống và được cụ thể hóa qua các mô hình DLX tại địa phương.

Ngược lại, giả thuyết H3 bị bác bỏ do mối quan hệ giữa lợi ích văn hóa và nhận thức không có ý nghĩa thống kê với β = 0,059, T = 0,693 và P = 0,511(>0,05). Điều này có thể cho thấy rằng trong bối cảnh nghiên cứu, người dân địa phương chưa thực sự nhận thức rõ ràng hoặc chưa cảm nhận được các lợi ích về văn hóa mà DLX mang lại. Kết quả này khác biệt với một số nghiên cứu tiền nhiệm vốn coi văn hóa là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến nhận thức và thái độ cộng đồng (Kim & cộng sự, 2013; Yeniasır & Gökbulut, 2018). Sự khác biệt này xuất phát từ đặc thù tại Thủy Biều, nơi các giá trị truyền thống như lối sống làng quê và hệ sinh thái vườn nhà đã duy trì ổn định từ trước. Do đó, người dân có xu hướng xem du lịch là hoạt động khai thác dựa trên các giá trị sẵn có thay vì một yếu tố tạo ra lợi ích văn hóa mới. Thêm vào đó, so với lợi ích kinh tế và môi trường trực quan, các giá trị văn hóa mang tính vô hình và khó lượng hóa hơn. Thực tế tại Thủy Biều, các hoạt động du lịch hiện nay chủ yếu tập trung vào mục tiêu giảm rác thải và tạo sinh kế, khiến vai trò bảo tồn văn hóa chưa được cộng đồng nhận diện rõ nét như một lợi ích cụ thể gắn liền với DLX.

Đối với giả thuyết H4, kết quả cho thấy nhận thức của cộng đồng địa phương về DLX có tác động rất mạnh đến cam kết tham gia DLX của cộng đồng, với β = 0,762, T = 9,693 và P = 0,000 (< 0,05). Đây là mối quan hệ có trọng số cao nhất trong mô hình, khẳng định nhận thức là yếu tố quyết định đến sự ủng hộ và sẵn sàng thực hiện các hoạt động DLX của cộng đồng. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu tiền nhiệm (Gannon & cộng sự, 2021; Uslu & cộng sự, 2023) và khẳng định vai trò quan trọng của nhận thức trong bối cảnh DLX. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý trong nghiên cứu này là mức độ tác động của nhận thức trong nghiên cứu này tương đối cao, phản ánh đặc thù của DLX khi việc tham gia đòi hỏi sự thay đổi trong thói quen sinh hoạt theo hướng thân thiện với môi trường. Tại Thủy Biều, việc triển khai cụ thể các hoạt động như giảm nhựa và phân loại rác đã giúp người dân tiếp cận trực tiếp mô hình, từ đó củng cố nhận thức và thúc đẩy cam kết tham gia phát triển DLX.

Nhìn chung, nghiên cứu khẳng định lợi ích môi trường và kinh tế là hai tiền đề quan trọng hình thành nhận thức của cộng đồng về DLX. Trong đó, nhận thức đóng vai trò quyết định đến sự cam kết tham gia của người dân. Kết quả này gợi ý rằng các chiến lược phát triển DLX tại địa phương cần ưu tiên tăng cường truyền thông về những giá trị hữu hình mà mô hình này mang lại. Điều này không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn là động lực cốt lõi thúc đẩy sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương.

4. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định lợi ích môi trường và kinh tế tác động tích cực đến nhận thức cộng đồng, trong khi lợi ích văn hóa không có ảnh hưởng đáng kể. Đồng thời, kết quả cũng nhấn mạnh vai trò quyết định của nhận thức trong việc thúc đẩy cam kết tham gia DLX của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch theo hướng bền vững.

Về mặt lý thuyết, nghiên cứu bổ sung bằng chứng thực nghiệm về cơ chế chuyển hóa từ lợi ích cảm nhận sang hành vi tham gia thông qua biến trung gian nhận thức. Bằng việc phân tách cụ thể ba nhóm lợi ích thay vì tiếp cận tổng thể, nghiên cứu làm rõ sự khác biệt về mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố, trong đó lợi ích môi trường và kinh tế giữ vai trò chủ đạo. Phát hiện này khẳng định các yếu tố cấu thành nhận thức không đồng nhất mà phụ thuộc vào đặc thù điểm đến, đồng thời mở rộng ứng dụng của Lý thuyết trao đổi xã hội trong bối cảnh DLX tại cộng đồng địa phương.

Từ kết quả nghiên cứu, một số hàm ý quản trị được rút ra. Trước hết, chính quyền và cơ quan quản lý cần chú trọng truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về lợi ích kinh tế, môi trường của DLX. Các chương trình hội thảo, tuyên truyền giúp người dân hiểu rõ vai trò trong bảo vệ tài nguyên, từ đó thúc đẩy họ tham gia tích cực hơn.

Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện để cộng đồng tham gia trực tiếp thông qua các mô hình sinh kế gắn với DLX như dịch vụ lưu trú cộng đồng, trải nghiệm nông nghiệp, sản phẩm thủ công truyền thống hoặc các hoạt động du

lịch sinh thái. Việc này không chỉ tăng thu nhập mà còn củng cố nhận thức và cam kết của người dân với du lịch địa phương. Ngoài ra, các chương trình đào tạo kỹ năng phục vụ, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên và phát triển sản phẩm DLX cần được chú trọng để cộng đồng đóng vai trò chủ động trong quá trình phát triển và quản lý du lịch theo hướng bền vững.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn hạn chế về khả năng khái quát hóa do kích thước mẫu nhỏ và chỉ tập trung tại Thủy Biều, Huế. Ngoài ra, mô hình mới chỉ xem xét các nhóm lợi ích cơ bản tác động đến nhận thức. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng quy mô khảo sát, tăng mẫu và bổ sung các biến số mới để có cái nhìn toàn diện hơn về sự tham gia của cộng đồng trong phát triển DLX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Amerta, I. M. S., Sara, I. M., & Bagiada, K. (2018). Sustainable tourism development. *International research journal of management, IT and social sciences,* 5(2), 248-254. DOI: https://doi.org/10.21744/irjmis.v5i2.674

Andereck, K. L., Valentine, K. M., Knopf, R. C., & Vogt, C. A. (2005). Residents' perceptions of community tourism impacts. *Annals of tourism research*, 32(4), 1056-1076. DOI: https://doi.org/10.1016/j.annals.2005.03.001

Angessa, A. T., Lemma, B., Yeshitela, K., & Endrias, M. (2022). Community perceptions towards the impacts of ecotourism development in the central highlands of Ethiopia: the case of Lake Wanchi and its adjacent landscapes. *Heliyon*, 8(2). DOI: https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2022.e08924

Anh, T. T. T., Anh, T. T. L., & Thanh, N. N. (2024). The impact of green tourism on the Hmong community in Vietnam. *Multidisciplinary Science Journal*, 6(4), 2024034-2024034. DOI: https://doi.org/10.31893/multiscience.2024034

Eagles, P. F., McCool, S. F., & Haynes, C. D. (2002). *Sustainable tourism in protected areas: Guidelines for planning and management* (No. 8). IUCN - The World Conservation Union

Edgell Sr, D. L. (2019). *Managing sustainable tourism: A legacy for the future.* Routledge

Gannon, M., Rasoolimanesh, S. M., & Taheri, B. (2021). Assessing the mediating role of residents' perceptions toward tourism development. *Journal of Travel Research*, *60*(1), 149-171. DOI: https://doi.org/10.1177/0047287519890926

Isaacs, J. C. (2000). The limited potential of ecotourism to contribute to wildlife conservation. *Wildlife society bulletin,* 28(1), 61-69. DOI: https://doi.org/10.2307/4617284

Kim, K., Uysal, M., & Sirgy, M. J. (2013). How does tourism in a community impact the quality of life of community residents? *Tourism management*, 36, 527-540. DOI: https://doi.org/10.1016/j.tourman.2012.09.005

Kiper, T. (2013). *Role of ecotourism in sustainable development.* Advances in Landscape Architecture (pp. 773-802). InTech. DOI: https://doi.org/10.5772/55749

Sharpley, R. (2014). Host perceptions of tourism: *A review of the research. Tourism Management,* 42, 37 – 49. DOI: https://doi.org/10.1016/j.tourman.2013.10.007

Thang, N. D., & Thanh, N. N. (2023). The relationship between awareness and commitment to participate in the green tourism model of local communities: Evidence from the Hmong people community in Lao Cai province-Vietnam. *International Journal of Professional Business Review*, 8(6), 44. DOI: https://doi.org/10.26668/businessreview/2023.v8i6.2540

Uslu, A., Erul, E., Santos, J. A. C., Obradović, S., & Custódio Santos, M. (2023). Determinants of residents' support for sustainable tourism development: An empirical study in Midyat, Turkey. *Sustainability*, 15(13), 1-14. DOI: https://doi.org/10.3390/su151310013

Yeniasır, M., & Gökbulut, B. (2018). Perception and attitudes of local people on sustainable cultural tourism on the islands: The case of Nicosia. *Sustainability,* 10(6), 1892. DOI: https://doi.org/10.3390/su10061892

Zhu, H., Liu, J., Wei, Z., Li, W., & Wang, L. (2017). Residents' attitudes towards sustainable tourism development in a historical-cultural village: Influence of perceived impacts, sense of place and tourism development potential. *Sustainability*, 9(1), 61. DOI: https://doi.org/61. 10.3390/su9010061

Perception and Commitment to Participate in Green Tourism of The Local Community: A Case Study of Thuy Bieu, Hue

Hoang Thi Mong Lien, Dang Thi Thuy Hien
School of Hospitality and Tourism - Hue University, Vietnam

Abstract

Green tourism is considered an important approach to promoting sustainable tourism development and reducing negative impacts on the environment and local communities. This study examines the impact of local residents' perceptions on their commitment to participating in green tourism activities. A quantitative method was employed, and 110 survey responses were collected from residents in Thuy Bieu, Hue City. The data were analyzed using Structural Equation Modeling (PLS-SEM) approach to test the research hypotheses. The results show that environmental and economic benefits have positive effects on local residents' perceptions of green tourism, while cultural benefits do not show a significant impact. In addition, residents' perceptions strongly influence their commitment to participating in green tourism. The findings provide practical implications for encouraging greater community participation in the development of green tourism.

Keywords: Green tourism; local community; participation commitment; perception; tourism benefits.